

Số: 18/2024/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 15 tháng 11 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số
sinh sống trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15,
Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số
32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 372/TTr-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân
dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân
tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số
35/BC-BDT ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh;
ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc
thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan nhà nước thực hiện quyền hạn và trách nhiệm đại diện chủ sở hữu
toàn dân về đất đai, thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về đất đai.

b) Các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

c) Đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng.

d) Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

đ) Các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai; công tác dân tộc.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Cá nhân được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải sinh sống và thường trú tại địa bàn cấp huyện nơi có đất được giao, được chuyển mục đích sử dụng đất, được cho thuê; chưa được nhận hỗ trợ về đất đai từ các chương trình, chính sách theo quy định của pháp luật.

2. Việc xác định vùng đồng bào dân tộc thiểu số; cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Việc bố trí quỹ đất sinh hoạt cộng đồng và giao đất, cho thuê đất được căn cứ vào điều kiện quỹ đất hiện có của từng địa bàn cấp huyện.

4. Đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng.

5. Các đối tượng được hỗ trợ về đất đai phải sử dụng đúng mục đích được nhà nước giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Chính sách bảo đảm đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số

Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của địa phương phải ưu tiên đảm bảo quỹ đất đủ tiêu chuẩn, định mức theo quy định và phải xác định chỉ tiêu sử dụng đất sinh hoạt cộng đồng trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện để xây dựng nơi sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ đất đai lần đầu cho cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số

1. Cá nhân không có đất ở thì được Nhà nước xem xét giao đất ở trong hạn mức giao đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định và được miễn tiền sử dụng đất. Việc giao đất ở phải gắn với phương án làm nhà ở trên phần diện tích được giao.

2. Cá nhân nếu có nhu cầu thì được Nhà nước xem xét cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở trong hạn mức giao đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định và được miễn tiền sử dụng đất đối với đất có nguồn gốc được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận hoặc được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Cá nhân không có đất nông nghiệp thì được Nhà nước xem xét giao đất nông nghiệp trong hạn mức quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 176 Luật Đất đai và không thu tiền sử dụng đất.

4. Cá nhân nếu có nhu cầu thì Nhà nước xem xét cho thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh theo diện tích phù hợp với quỹ đất của địa phương và ngành nghề sản xuất, kinh doanh, trong đó được giảm 50% tiền thuê đất cho diện tích tối đa không quá 300 m² đối với khu vực nông thôn (xã) và tối đa không quá 200 m² đối với khu vực đô thị (phường, thị trấn).

Điều 5. Nguồn kinh phí và quỹ đất thực hiện chính sách

1. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, trường hợp địa phương không tự cân đối được ngân sách thì Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Quỹ đất để thực hiện chính sách theo Nghị quyết này được bố trí từ quỹ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý hoặc từ quỹ đất thu hồi theo quy định tại khoản 29 Điều 79 của Luật Đất đai.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Khóa X, Kỳ họp thứ Hai mươi tám thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 25 tháng 11 năm 2024.

(Handwritten signature)

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL thuộc Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng Công tác HĐND;
- Đảng Công báo tỉnh;
- Trang thông tin điện tử;
- Văn phòng điện tử;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Mai Văn Huỳnh